



Số: 016/2008/BCKT

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào
ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông ICA (PCA) – Chi nhánh Đà Nẵng, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Việc xem xét và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Sau khi cổ phần hoá, Công ty được xử lý các khoản tồn thất là 9.433.182.472 đồng và được bù đắp bởi các khoản tiền thu từ bán cổ phần. Tuy nhiên, toàn bộ khoản tiền thu từ bán cổ phần đã được nộp cho Cục Tài chính doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty đang làm hồ sơ xin thu lại 2.117.784.754 đồng từ Ngân sách Nhà nước và đã ghi nhận khoản tiền này như một khoản phải thu của Cục tài chính doanh nghiệp. Tuy nhiên chưa có bất cứ sự xác nhận nào từ phía Cục tài chính doanh nghiệp về việc chấp nhận thanh toán khoản tiền này.

Nguyên giá tài sản cố định do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành đã đưa vào sử dụng và đang phản ánh trong tài sản cố định hữu hình của Công ty được tạm tính theo báo cáo quyết toán của Công ty, chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH một thành viên thủy sản An là công ty con do Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành lập và góp 100% vốn với vốn điều lệ theo giấy phép đăng ký kinh doanh là 5 tỷ đồng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chưa chuyển bất cứ một khoản góp vốn nào cho Công ty TNHH một thành viên Thủy sản An trong khi Công ty TNHH một thành viên Thủy sản An đã thực hiện các hợp đồng uỷ thác cho Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước với tổng giá trị 27.080.678.180 đồng.

Văn phòng chính tại Hà Nội:

Trụ sở Công ty: Số 45 - Lô 6 - Đường Trung Yên 14
Khu Đô Thị Trung Yên Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3783 3911/12/13 - Fax: (84.4) 3783 3914
Email: pcahn@pca.com.vn

Văn phòng TP Hồ Chí Minh:

Trụ sở: Số 208 - Đường Nguyễn Trọng Tuyển
Phường 8 - Q. Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 354491 476/477 - Fax: (84.8) 354491 475
Email: pcahcm@pca.com.vn

Văn phòng Đà Nẵng:

Trụ sở: Số 10 Hải Phòng
Q. Lê Chân - TP. Đà Nẵng
ĐT/Fax: (84.511) 3531 399
Email: pcadn@pca.com.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên đến các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông ICA
Chi nhánh Đà Nẵng



Bùi Văn Vương
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0780/KTV

Phạm Tiến Hùng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0752/KTV



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty thủy sản và thương mại Thuận Phước, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3203001489 đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/06/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 07/05/2005 do Sơ kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.
- Nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ, phương tiện giao thông vận tải và hàng tiêu dung.
- Kinh doanh thương mại tổng hợp. Đại lý ký gởi, mua bán hàng hoá. Dịch vụ hậu cần nghề cá. Sản xuất bia rượu, nước giải khát các loại.
- Cung cấp, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp điện lạnh và công nghệ thực phẩm. Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Kinh doanh bất động sản. Đào tạo nghề ngắn hạn.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỶ KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1, 2 và 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành các quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và chi phí vận chuyển để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí bán hàng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06-20 năm
Máy móc thiết bị	02-12 năm
Phương tiện vận tải - truyền dẫn	08-13 năm
Thiết bị văn phòng	02-07 năm

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm vi tính được trích khấu hao như tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao trong 2 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các chi phí phục vụ cho hoạt động SXKD trong nhiều năm và được phân bổ hàng quý theo thời gian sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và trích lập dự phòng

Đối với các khoản dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ tài chính Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành

Việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau: Lợi nhuận của năm 2008, Công ty đã tạm chi cổ tức năm với số tiền 2.732.950.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 1.319.820.280 đồng theo số thuế TNDN được miễn giảm, trích quỹ dự phòng tài chính 235.682.193 đồng và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 433.877.482 đồng

7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Hàng hoá đã giao qua mạn tàu đối với các hợp đồng xuất bán hàng cho nước ngoài; đối với các hợp đồng xuất bán trong nước, hàng hoá đã chuyển quyền sở hữu theo hợp đồng bán hàng.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu đối với hoạt động khác được ghi nhận khi có thanh lý hợp đồng và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá và được xác định theo số thực tế phát sinh.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là khoản lãi vay phải trả trong năm tài chính và được xác định trên cơ sở thời gian vay nhân (x) với giá trị khoản vay nhân (x) với lãi suất đi vay.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty trong năm tài chính 2008 là 28%. Phần được giảm (100%) được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (USD)

01	Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Tiền mặt	(i) 76,739,658	195,426,635
	- Tiền gửi ngân hàng	(ii) 8,883,388,852	17,625,937,221
	Tổng cộng	8,960,128,510	17,821,363,856
(i)	Số tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2008 bao gồm:		
		USD	VND
	- Đồng Việt Nam	-	76,739,658
	- Đồng USD	-	-
	Tổng cộng	-	76,739,658
(ii)	Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008 bao gồm:		
		Ngoại tệ	VND
	Ngân hàng Ngoại thương ĐN		
	+ Tiền gửi VND		6,873,491
	+ Tiền USD	26,353.54	448,010,180
	+ Tiền JPY	33,092.00	6,287,480
	Ngân hàng Eximbank		
	+ Tiền gửi VND		7,417,551,103
	+ Tiền USD	1,676	28,487,750
	Ngân hàng NN&PTNT ĐN		
	+ Tiền gửi VND		766,838
	+ Tiền USD	601.95	10,233,150
	Ngân hàng Quân đội - Tp ĐN		
	+ Tiền gửi VND		11,123,572
	+ Tiền USD	170.12	2,892,040
	Ngân hàng Á Châu - Tp ĐN		
	+ Tiền gửi VND		1,574,929
	+ Tiền USD	8.33	141,610
	Ngân hàng Kỹ Thương - Tp ĐN		
	+ Tiền gửi VND		4,943,511
	+ Tiền USD	749.82	12,746,940
	Ngân hàng C66ng Thương - Tp ĐN		
	+ Tiền gửi VND		2,113,057
	+ Tiền USD	1,415.14	24,057,380
	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CNĐN		1,323,361
	Ngân hàng Sài gòn thương tín - CN Đà Nẵng		904,262,460
	Tổng cộng	-	8,883,388,852



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
03 Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ phần hoá	2,117,784,754	
Phải thu khác	12,211,000	22,243,978
Tổng cộng	<u>2,129,995,754</u>	<u>22,243,978</u>
04 Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	3,989,476,234	1,825,812,932
Công cụ, dụng cụ	5,214,291,826	3,290,523,876
Thành phẩm	76,679,410,463	80,246,963,746
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>85,883,178,523</u>	<u>85,363,300,554</u>
05 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế TNDN nộp thừa	28,327,307	28,327,307
Thuế XNK	521,640,667	
Tổng cộng	<u>549,967,974</u>	<u>28,327,307</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ : Khu CN&DV Thủy sản Thọ Quang

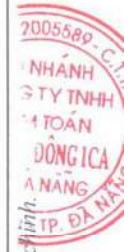
Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	Nguyên giá						
	Số dư đầu năm						
	- Mua trong năm					30,584,200	30,584,200
	- Đầu tư XDCB hoàn thành		-				-
	- Giảm do thanh lý		-				-
	- Giảm khác (*)		-				-
	Số dư cuối năm					30,584,200	30,584,200
	Giá trị hao mòn lũy kế						
	Số dư đầu năm						
	- Khấu hao trong năm					3,823,025	3,823,025
	- Giảm do thanh lý						-
	- Giảm khác (*)						-
	Số dư cuối năm					3,823,025	3,823,025
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày đầu năm						
	Tại ngày cuối năm					26,761,175	26,761,175

11	Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tổng chi phí XDCB dở dang	1,500,077,215	3,971,299,977
	Trong đó các công trình lớn:		
	+ Công trình XD nhà máy Thọ Quang	1,500,077,215	3,971,299,977



Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
14 Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	2,612,608,330	3,257,769,275
Tổng cộng	2,612,608,330	3,257,769,275
15 Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong đó:		
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>112,106,278,271</i>	<i>110,157,190,400</i>
Vay ngân hàng Ngoại thương	110,329,153,271	93,657,190,400
Vay ngân hàng Eximbank	1,277,125,000	
Quỹ đầu tư phát triển Tp Đà Nẵng	500,000,000	16,500,000,000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	112,106,278,271	110,157,190,400
16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế, phí, lệ phí	25,454,266	4,140,233
Tổng cộng	25,454,266	4,140,233
17 Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	-	26,000,000
Tổng cộng	-	26,000,000
18 Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	502,161,419	375,040,544
Kinh phí công đoàn	287,543,024	166,054,697
Phải trả về CPH	-	8,215,355,418
Phải trả cổ tức 2007,2008	1,892,235,630	
Phải trả, phải nộp khác	2,643,534,069	83,053,528
Tổng cộng	5,325,474,142	8,839,504,187
20 Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong đó:		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>47,269,269,821</i>	<i>59,064,534,933</i>
Vay ngân hàng Ngoại thương	47,269,269,821	59,064,534,933
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	47,269,269,821	59,064,534,933

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ : Khu CN&DV Thủy sản Thọ Quang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước							
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	53,857,641,965	965,474,082	-	998,630,439	113,305,000	(7,827,714,659)	48,107,336,827
Tăng vốn trong năm nay	816,969,035	155,703,283		1,319,820,280	235,682,193	4,713,643,856	2,528,174,791
Lãi trong năm nay	-	-				9,647,468,582	4,713,643,856
Tăng khác	-	-	(4,234,000)			6,537,631,779	9,647,468,582
Giảm vốn trong năm nay	11,611,000	29,391,545					6,578,634,324
Lỗ trong năm nay	-	-					-
Giảm khác (*)	-	-					-
Số dư cuối năm nay	54,663,000,000	1,091,785,820	(4,234,000)	2,318,450,719	348,987,193	-	58,417,989,732

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vốn góp của nhà nước	17,318,000,000	17,318,000,000
	Vốn góp của các đối tượng khác	37,345,000,000	36,539,641,965
	Tổng cộng	54,663,000,000	53,857,641,965
c	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu năm	53,857,641,965	
	Vốn góp tăng trong năm	816,969,035	
	Vốn góp giảm trong năm	11,611,000	
	Vốn góp cuối năm	54,663,000,000	
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	Năm nay	Năm trước
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2,733,150,000	
	Tổng cộng	2,733,150,000	-
d	Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (cổ phiếu)	5,466,300	7,200,000
	Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu)	5,466,300	5,385,764
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	5,466,300	5,385,764
	Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu)	400	
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	400	
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	5,465,900	5,385,764
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)</i>	5,465,900	5,385,764
	* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/1cp	10.000 đ/1cp
e	Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
	Quỹ đầu tư phát triển	2,318,450,719	998,630,439
	Quỹ dự phòng tài chính	348,987,193	113,305,000
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

Mục đích sử dụng và trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: được sử dụng nhằm mục đích mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh, sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.



VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

25	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Năm 2007
	Doanh thu bán hàng	525,996,635,001	
	Tổng cộng	525,996,635,001	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm 2008	Năm 2007
26 Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	247,738,235	
Giảm giá hàng bán	5,366,481,120	
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng	5,614,219,355	-
27 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	520,382,415,646	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	
Tổng cộng	520,382,415,646	-
28 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hoá đã bán	472,173,851,327	
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
Tổng cộng	472,173,851,327	-
29 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	3,981,938,944	
Chênh lệch tỷ giá	5,625,326,634	
Tổng cộng	9,607,265,578	-
30 Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	22,146,121,482	
Chi phí tài chính khác	510,446,340	
Tổng cộng	22,656,567,822	-
31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,319,820,280	
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,319,820,280	-
33 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	384,493,772,505	
Chi phí nhân công	29,708,383,473	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,276,345,396	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47,631,200,614	
Chi phí bằng tiền khác	6,444,418,972	
Tổng cộng	476,554,120,960	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

VIII Những thông tin khác

1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

- Các bên liên quan

Tên	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Thủy Sản An	Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang	Công ty con

- Giao dịch với các bên liên quan

Xuất hàng uỷ thác

Kỳ này
27,080,678,180

- Số dư với các bên liên quan

Nợ phải thu công ty TNHH MTV An

Số cuối năm
3,420,138,200



2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2008 cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5 Thông tin so sánh:

Số liệu đầu kỳ là số liệu được lấy theo báo cáo tài chính 6 tháng cuối năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Miền Trung (CENACO)

6 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2008 không có hoạt động hoặc sự kiện nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định công ty sẽ hoạt động liên tục.

7 Những thông tin khác

Không


Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Trung

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 04 năm 2009



Giám đốc

TRẦN VĂN LINH